

**TỔNG CÔNG TY ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM  
TRƯỜNG CAO ĐẲNG ĐƯỜNG SẮT**

Địa chỉ: Số 2/167, phố Gia Quất, phường Thượng Thanh, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

Số điện thoại: 02438710384. Email: [truongduongsat@edu.vn](mailto:truongduongsat@edu.vn)

Số Fax: 02438710384.

Website: <http://www.truongduongsat.edu.vn>.

**QUY TRÌNH  
TỔ CHỨC THI, XÉT, CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP**

Mã hóa: QT.02-TCTXCNTN/P.KĐCLĐT

Ban hành lần: 02

Hiệu lực từ ngày: .../03/2022

*(Ban hành kèm theo Quyết định số...../QĐ-CĐĐS  
ngày ..... tháng ..... năm 2022 của Hiệu trưởng)*

	Người soạn thảo	Người kiểm tra	Người phê duyệt
Chữ ký			
Họ và tên	Trần Minh Thụ		Phạm Văn Chánh
Chức danh	TP.KĐCLĐT		HIỆU TRƯỞNG



**TỔNG CÔNG TY ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM**  
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-CĐĐS ngày / 01/2021)

TT	Đơn vị/Cá nhân	Chức danh	Tiền thưởng
<b>I</b>	<b>Tập thể:</b>		
1	Chi đoàn Cơ quan Trường Cao đẳng Đường sắt		300.000đ
2	Liên chi đoàn Phân hiệu Cao đẳng Đường sắt Đà Nẵng		300.000đ
3	Chi đoàn Trung cấp Lái tàu Đường sắt 4 - Khoá 52		300.000đ
<b>II</b>	<b>Cá nhân:</b>		
1	Lại Thị Phương Chi	Đoàn viên Chi đoàn Cơ quan	200.000đ
2	Trần Việt Trung	Đoàn viên Liên chi đoàn Phân hiệu Cao đẳng Đường sắt Đà Nẵng	200.000đ
	<b>Tổng cộng:</b>		<b>1.300.000 đ</b>

(Bằng chữ: Một triệu ba trăm nghìn đồng)/.

**HIỆU TRƯỞNG**

**Mẫu số 5**

**Phạm Văn Chánh**

## **I. CĂN CỨ PHÁP LÝ, CƠ SỞ XÂY DỰNG**

Căn cứ các Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/03/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; Thông tư 42/2015/TT-BLĐTBXH ngày 13/03/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về đào tạo trình độ Sơ cấp; Thông tư số 34/2018/TT- BLĐTBXH ngày 26 tháng 12 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 42/2015/TT-BLĐTBXH ngày 20/10/2015 quy định về đào tạo trình độ sơ cấp;

Quy chế kiểm tra, thi xét công nhận tốt nghiệp đối với trình độ cao đẳng, trung cấp và sơ cấp ban hành kèm theo Quyết định số 809/QĐ-CĐĐS ngày 16/9/2019 của Hiệu trưởng.

## **II. MỤC ĐÍCH VÀ PHẠM VI ÁP DỤNG**

### **1. Mục đích**

Phân công công việc, quy định trách nhiệm và quyền hạn giữa các đơn vị của Nhà trường trong công tác tổ chức kiểm tra, thi kết thúc môn học, mô-đun tại Trường Cao đẳng Đường sắt.

## 2. Phạm vi áp dụng

Quy trình áp dụng trong việc tổ chức kiểm tra, thi kết thúc môn học, mô-đun của HSSV các ngành nghề đào tạo hệ chính quy trong toàn Trường.

## III. KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT

### 1. Khái niệm

- Tổ chức kiểm tra kết thúc môn học, mô-đun cho các lớp đào tạo trình độ sơ cấp.
- Tổ chức thi kết thúc môn học, mô-đun cho các lớp đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng.
- Ngày đề cập trong quy trình này là ngày làm việc.

### 2. Từ viết tắt

- QLM: quản lý mạng
- GVCN: Giáo viên chủ nhiệm
- HSSV: Học sinh sinh viên
- P.ĐT: Phòng Đào tạo
- P.KĐCLĐT: Phòng Kiểm định chất lượng đào tạo
- QLĐT: Quản lý đào tạo

## IV. LƯU ĐỒ (Xem trang 4)

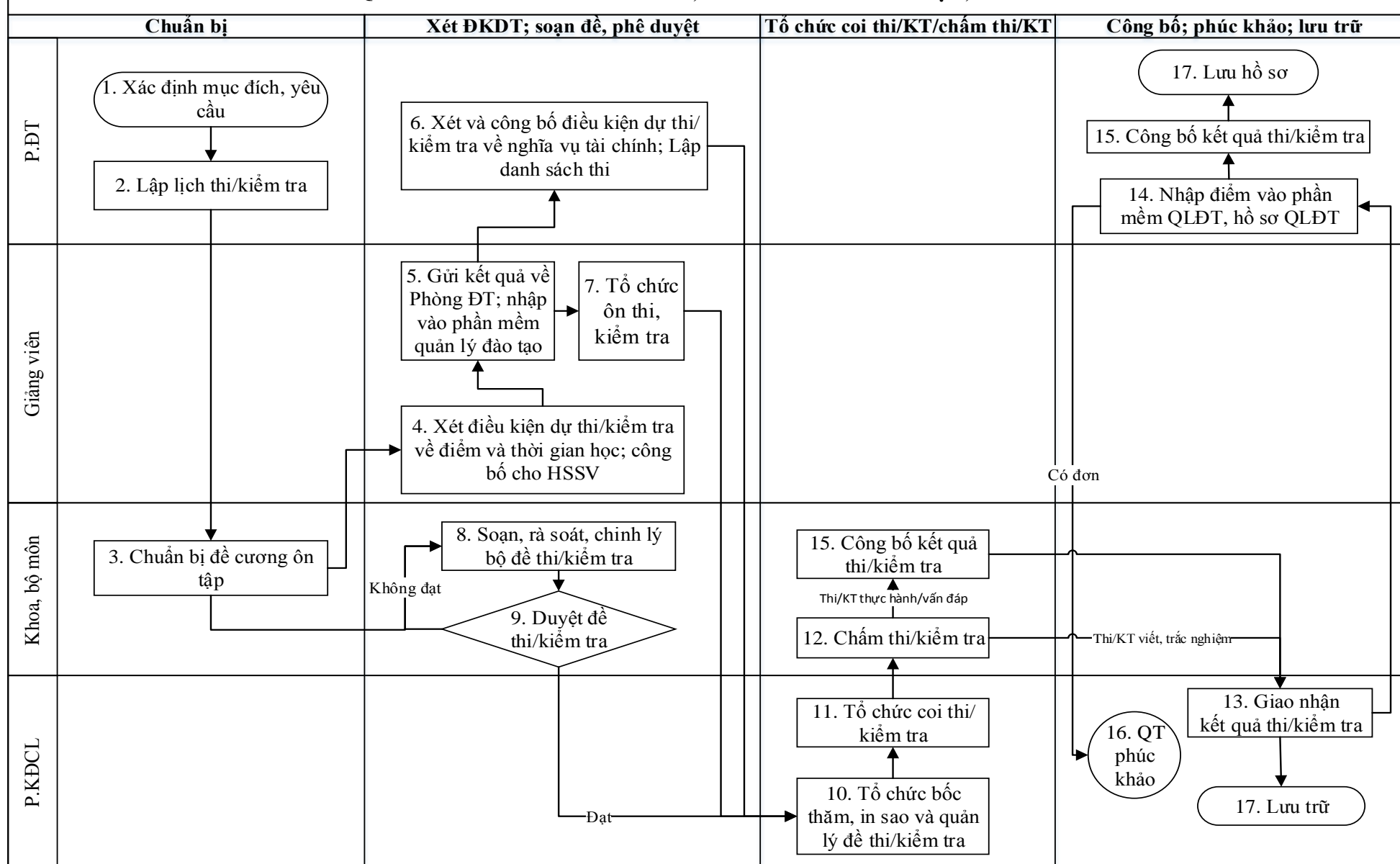
## V. ĐẶC TẢ (Xem trang 5)

## VI. CÁC BIỂU MẪU/ HƯỚNG DẪN KÈM THEO

TT	Tên biểu mẫu/ hướng dẫn	Mã hóa
1	Lịch kiểm tra, thi kết thúc môn học, mô-đun	BM.01.01-TCKTTKTMHMĐ /P.KĐCLĐT
2	Đề cương ôn tập kiểm tra, thi kết thúc môn học, mô-đun	BM.01.02-TCKTTKTMHMĐ /P.KĐCLĐT
3	Bộ câu hỏi ôn tập thi/kiểm tra trắc nghiệm kết thúc môn học/mô-đun (giấy)	BM.01.03-TCKTTKTMHMĐ /P.KĐCLĐT
4	Bộ câu hỏi ôn tập thi/kiểm tra trắc nghiệm kết thúc môn học/mô-đun (máy tính)	BM.01.04-TCKTTKTMHMĐ /P.KĐCLĐT
5	Danh sách thi/kiểm tra (Tư cách dự thi)	BM.01.05-TCKTTKTMHMĐ /P.KĐCLĐT
6	Đề thi/kiểm tra kết thúc môn học (viết)	BM.01.06-TCKTTKTMHMĐ /P.KĐCLĐT
7	Đáp án thi/kiểm tra kết thúc môn học (viết)	BM.01.07-TCKTTKTMHMĐ /P.KĐCLĐT
8	Đề thi/kiểm tra kết thúc môn học/mô-đun (vấn đáp)	BM.01.08-TCKTTKTMHMĐ /P.KĐCLĐT

9	Đáp án thi/kiểm tra kết thúc môn học/mô-đun (vấn đáp)	BM.01.09-TCKTTKTMHMĐ /P.KĐCLĐT
10	Đề thi/kiểm tra kết thúc môn học/mô-đun (trắc nghiệm trên giấy)	BM.01.10-TCKTTKTMHMĐ /P.KĐCLĐT
11	Phiếu trả lời trắc nghiệm	BM.01.11-TCKTTKTMHMĐ /P.KĐCLĐT
12	Đáp án thi/kiểm tra kết thúc môn học/mô-đun (trắc nghiệm trên giấy)	BM.01.12-TCKTTKTMHMĐ /P.KĐCLĐT
13	Khung ma trận đề thi/kiểm tra kết thúc môn học/mô-đun	BM.01.13-TCKTTKTMHMĐ /P.KĐCLĐT
14	Đề thi/kiểm tra kết thúc môn học/mô-đun	BM.01.14-TCKTTKTMHMĐ /P.KĐCLĐT
15	Hướng dẫn chấm thi/kiểm tra thực hành/vấn đáp	BM.01.15-TCKTTKTMHMĐ /P.KĐCLĐT
16	Phiếu chấm thi/kiểm tra thực hành/vấn đáp	BM.01.16-TCKTTKTMHMĐ /P.KĐCLĐT
17	Kết quả thi/kiểm tra	BM.01.17-TCKTTKTMHMĐ /P.KĐCLĐT
18	Kết quả thi/kiểm tra (phần)	BM.01.18-TCKTTKTMHMĐ /P.KĐCLĐT
19	Bảng điểm tổng hợp	BM.01.19-TCKTTKTMHMĐ /P.KĐCLĐT
20	Kết quả thi/kiểm tra (trắc nghiệm trên máy tính)	BM.01.20-TCKTTKTMHMĐ /P.KĐCLĐT
21	Biên bản vi phạm nội quy phòng kiểm tra, thi	BM.01.21-TCKTTKTMHMĐ /P.KĐCLĐT

**QUY TRÌNH TỔ CHỨC KIỂM TRA, THI KẾT THÚC MÔN HỌC, MÔ-ĐUN**



## VI. ĐẶC TẢ

Stt	Tên bước công việc	Nội dung	Bộ phận/ Người thực hiện	Bộ phận/ Người phối hợp	Kết quả đạt được	Hạn hoàn thành	Biểu mẫu/hồ sơ
1	Xác định mục đích, yêu cầu	Căn cứ vào tiến độ đào tạo, Phòng ĐT xác định thời gian tổ chức kiểm tra, thi; các khoa xác định nội dung, hình thức kiểm tra, thi để chuẩn bị xây dựng đề cương, đề kiểm tra, đề thi	P.ĐT	Khoa, bộ môn	Tập hợp các thông tin để chuẩn bị lập kế hoạch	Trước khi lập lịch thi, kiểm tra	
2	Lập lịch thi, kiểm tra	Phòng đào tạo chủ trì, các khoa phối hợp lập lịch kiểm tra, thi đảm bảo đúng tiến độ, hợp lý, bố trí đủ thời gian ôn kiểm tra, thi	P.ĐT	Khoa, bộ môn	Lịch thi/kiểm tra	Thi/kiểm tra lần 1 $\geq$ 2 tuần; lần 2 $\geq$ 1 tuần trước kỳ thi, ktra	BM.01.01-TCKTTKT MHMĐ /P.KĐCLĐT
3	Chuẩn bị đề cương ôn tập	Căn cứ mục tiêu, nội dung chương trình môn học, mô-đun, khoa xây dựng hoặc rà soát, phê duyệt đề cương ôn tập; giảng viên công bố cho HSSV trước khi kết thúc môn học, mô-đun, đồng thời gửi 1 bản về Phòng KĐCLĐT	Khoa, bộ môn	Giảng viên	Đề cương ôn tập	$\geq$ 05 ngày trước khi kết thúc môn học, mô-đun	BM.01.02,03, 04-TCKTT KTMHMĐ /P.KĐCLĐT
4	Soạn, rà soát, chỉnh lý bộ đề kiểm tra, thi	Căn cứ đề cương ôn tập, trưởng khoa tổ chức biên soạn hoặc rà soát, chỉnh lý bộ đề, bộ câu hỏi, kết cấu đề kiểm tra, thi trắc nghiệm	Khoa, bộ môn	P.KĐCLĐT	Đề kiểm tra, thi, đáp án	$\geq$ 05 ngày trước ngày kiểm tra, thi	BM.01.06- 16-TCKTT KTMHMĐ /P.KĐCLĐT
5	Duyệt đề kiểm tra, thi	Sau khi bộ đề thi, bộ câu hỏi được biên soạn hoặc rà soát, chỉnh lý, trưởng khoa phê duyệt và gửi về P.KĐCLĐT; nhập vào phần mềm kiểm tra, thi trắc nghiệm (nếu kiểm tra, thi trắc nghiệm)	Khoa, bộ môn	P.KĐCLĐT	Đề kiểm tra, thi, đáp án	$\geq$ 05 ngày trước ngày kiểm tra, thi	
6	Xét điều kiện	Sau khi kết thúc môn học, mô-đun, giảng	Giảng	Trưởng	Danh sách	$\geq$ 02 ngày	BM.01.05-

Stt	Tên bước công việc	Nội dung	Bộ phận/ Người thực hiện	Bộ phận/ Người phối hợp	Kết quả đạt được	Hạn hoàn thành	Biểu mẫu/hồ sơ
	dự kiểm tra, thi về điểm và thời gian học; công bố cho HSSV	viên lập bảng điểm và tư cách dự kiểm tra, thi của HSSV, trình trưởng khoa phê duyệt; công bố điều kiện dự kiểm tra, thi cho HSSV	viên	khoa	thi/kiểm tra	trước ngày kiểm tra, thi	TCKTTKT MHMĐ /P.KĐCLĐT
7	Gửi kết quả về Phòng ĐT, GVCN; nhập vào phần mềm QLĐT	Gửi bảng điểm và tư cách dự kiểm tra, thi về Phòng Đào tạo và GVCN; nhập vào phần mềm quản lý đào tạo	Giảng viên	GVCN; P.ĐT	Bảng điểm và tư cách dự kiểm tra, thi; phần mềm QLĐT	≥ 02 ngày trước ngày kiểm tra, thi	
8	Xét và công bố điều kiện dự kiểm tra, thi về nghĩa vụ tài chính; Lập danh sách kiểm tra, thi	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cán bộ phụ trách P.ĐT phối hợp với nhân viên phòng TCKT kiểm tra danh sách dự kiểm tra, thi đảm bảo người dự kiểm tra, thi đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính với Nhà trường;</li> <li>- Cán bộ phụ trách P.ĐT công bố điều kiện dự kiểm tra, thi về nghĩa vụ tài chính cho HSSV, trực tiếp cho lớp và GVCN lớp;</li> <li>- Căn cứ bảng điểm và tư cách dự kiểm tra, thi, P.ĐT lập danh sách kiểm tra, thi và gửi về P.KĐCLĐT để tổ chức kiểm tra, thi</li> </ul>	P.ĐT	P.TCKT; GVCN; Cán sự lớp;	Danh sách HSSV chưa hoàn thành nghĩa vụ tài chính; Bảng Kết quả thi/kiểm tra	≥ 01 ngày trước ngày kiểm tra, thi	BM.01.17- 19- TCKTT KTMHMĐ /P.KĐCLĐT
9	Tổ chức ôn thi, kiểm tra	Giảng viên được phân công ôn thi, căn cứ vào ôn thi, kiểm tra, chuẩn bị nội dung và tổ chức ôn thi theo kế hoạch	Giảng viên	Khoa, bộ môn, P.ĐT, P.KĐCLĐT, TT.NC&CG KHCN	Hồ sơ tổ chức ôn thi; Sổ lên lớp	Trong thời gian ôn thi, kiểm tra	
10	Tổ chức bốc thăm, in sao	Tổ chức bốc thăm đề kiểm tra, thi, in sao và bảo mật; P.TCHC phối hợp in sao đề bảo	P.KĐCLĐT	Cán bộ coi kiểm tra, thi;	Đề kiểm tra, thi	Trước giờ kiểm tra, thi	

Stt	Tên bước công việc	Nội dung	Bộ phận/ Người thực hiện	Bộ phận/ Người phối hợp	Kết quả đạt được	Hạn hoàn thành	Biểu mẫu/hồ sơ
	và quản lý đề kiểm tra, thi	đảm không lộ đề và kịp thời cho việc tổ chức kiểm tra, thi		P.TCHC			
11	Tổ chức coi kiểm tra, thi	Tổ chức kiểm tra, thi theo đúng lịch kiểm tra, thi; giám sát phòng kiểm tra, thi; giao, nhận bài kiểm tra, thi với cán bộ coi kiểm tra, thi.	P.KĐCLĐT	Cán bộ coi kiểm tra, thi; khoa, bộ môn	Danh sách kiểm tra, thi; bài kiểm tra, thi; biên bản vi phạm phòng kiểm tra, thi	Ngay sau khi kiểm tra, thi xong	BM.01.10,16, 20,21-TCKTTKTM HMD/P.KĐCLĐT
12	Chấm kiểm tra, thi	Hình thức kiểm tra, thi thực hành, vấn đáp các giám khảo chấm trực tiếp tại địa điểm kiểm tra, thi; kiểm tra, thi trắc nghiệm trên máy tính: máy tính tự chấm điểm;	Khoa, bộ môn; Cán bộ coi thi, cán bộ chấm thi	P.KĐCLĐT	Phiếu chấm kiểm tra, thi	Trong ngày chấm kiểm tra, thi	BM.11,16-21-TCKTT KTMHMD /P.KĐCLĐT
		Hình thức kiểm tra, thi trắc nghiệm, viết: P.KĐCLĐT vào phách và đọc phách trước khi giao bài cho các khoa để chấm.			Bài kiểm tra, thi	≤ 07 ngày từ khi nhận bài kiểm tra, thi	
13	Giao nhận kết quả kiểm tra, thi	Nhận bài kiểm tra, thi, phiếu chấm kiểm tra, thi từ giám khảo; ghép phách và vào điểm; gửi bảng điểm về P.ĐT	P.KĐCLĐT	Khoa, bộ môn; P.ĐT	Bảng kết quả kiểm tra, thi	≤ 01 ngày từ khi nhận bài kiểm tra, thi	
14	Nhập điểm vào phần mềm QLĐT, hồ sơ quản lý đào tạo	Nhập điểm vào phần mềm QLĐT, hồ sơ quản lý đào tạo	P.ĐT		Phần mềm, hồ sơ QLĐT	≤ 10 ngày từ khi kiểm tra, thi xong	
15	Công bố kết quả kiểm tra, thi	Đối với hình thức kiểm tra, thi vấn đáp hoặc thực hành, giám khảo công bố ngay sau khi chấm xong.	Cán bộ chấm kiểm tra,	P.KĐCLĐT	Bảng Kết quả kiểm tra, thi	Ngay sau khi chấm xong	

Stt	Tên bước công việc	Nội dung	Bộ phận/ Người thực hiện	Bộ phận/ Người phối hợp	Kết quả đạt được	Hạn hoàn thành	Biểu mẫu/hồ sơ
			thi				
		Nhập điểm vào phần mềm QLĐT, hồ sơ quản lý đào tạo và công bố điểm cho HSSV trên trang Web trường và bảng tin.	P.ĐT	Ban QLM; GVCN		≤ 10 ngày từ khi kiểm tra, thi xong	
16	Phúc khảo	Thực hiện theo Quy trình Phúc khảo	P.KĐCL ĐT	P.ĐT; khoa, bộ môn			QT. phúc khảo
17	Lưu trữ hồ sơ	P.KĐCLĐT lưu bài kiểm tra, thi, phiếu kiểm tra, thi thực hành, vấn đáp; P.ĐT lưu lịch kiểm tra, thi, bảng điểm kiểm tra, thi, hồ sơ sổ sách đào tạo	P.KĐCL ĐT; P.ĐT		Hồ sơ tổ chức kiểm tra, thi	Ngay khi kết thúc đợt kiểm tra, thi	

**Chú ý:** Tại các phân hiệu, các bước công việc của Phòng KĐCLĐT thực hiện thì do Bộ phận đào tạo phân hiệu phụ trách thực hiện.

TỔNG CÔNG TY ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM  
TRƯỜNG CAO ĐẲNG ĐƯỜNG SẮT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc

**LỊCH THI/KIỂM TRA KẾT THÚC MÔN HỌC/MÔ-ĐUN, HỌC KỲ..... (Lần .....)<sup>1</sup>**

**Lớp:..... Khóa:.....**

Căn cứ Tiến độ giảng dạy năm học.... (điều chỉnh) ngày.../.../202... của Hiệu trưởng; căn cứ Thời khóa biểu lớp..... ngày.../.../202... , phòng Đào tạo lập lịch thi/kiểm tra kết thúc môn học, mô-đun Học kỳ... năm học 202.... cho lớp ..... như sau:

TT	Môn thi/kiểm tra <sup>2</sup>	Ngày giờ thi/kiểm tra <sup>3</sup>	Giảng viên coi, chấm thi/kiểm tra <sup>4</sup>	Địa điểm thi/ktra <sup>5</sup>	Số HSSV <sup>6</sup>	Hình thức thi/kiểm tra <sup>7</sup>	Ghi chú <sup>8</sup>
1							
2							
3							

**Tổ chức thực hiện:** .....

**HIỆU TRƯỞNG**

**TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO**

....., ngày tháng năm 20...  
**NGƯỜI LẬP**

<sup>1</sup> Lịch thi cho lớp trung cấp, cao đẳng; lịch kiểm tra kết thúc cho lớp sơ cấp. Xóa nội dung không phù hợp. Ghi rõ lần 1 hoặc lần 2. Trước khi lập lịch thi/kiểm tra, cán bộ lập lịch thi/kiểm tra liên hệ với khoa liên quan để bố trí lịch học bù (nếu có) do chậm tiến độ. VD: Cho HSSV nghỉ vì khách quan (nghỉ dịch, giảng viên ốm, hợp...).

<sup>2</sup> Ghi đúng tên trong chương trình đào tạo.

<sup>3</sup> Ghi giờ trước, ngày sau. VD: 8 giờ 00 phút ngày.../.../...; 14 giờ 00 phút ngày.../.../...

<sup>4</sup> Ghi tên giảng viên hoặc đơn vị cử giảng viên coi thi lý thuyết, chấm thi vấn đáp và thực hành.

<sup>5</sup> Ghi phòng số....; Phòng thực hành...; Đầu máy; Toa xe; Đoạn đường sắt cũ/mới; Cửa Ông...

<sup>6</sup> Ghi số HSSV dự kiến dự thi/kiểm tra.

<sup>7</sup> Thi viết, vấn đáp, trắc nghiệm trên máy tính, trắc nghiệm trên giấy, trắc nghiệm trên máy tính trực tuyến, thực hành.

<sup>8</sup> Ghép với lớp... (nếu có), ...

TRƯỜNG CAO ĐẲNG ĐƯỜNG SẮT  
KHOA .....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày .... tháng .... năm 20....

**ĐỀ CƯƠNG**  
**ÔN TẬP THI/KIỂM TRA KẾT THÚC MÔN HỌC/MÔ-ĐUN<sup>1</sup>**  
NGHỀ:..... TRÌNH ĐỘ:.....  
Môn học/Mô-đun: .....<sup>2</sup>

**A. LÝ THUYẾT**

**Chương 1/Bài 1:** .....

1. ....

2. ....

.....

**Chương 2/Bài 2:** .....

1. ....

2. ....

.....

**B. BÀI TẬP, THỰC HÀNH**

1. ....

2. ....

.....

**TRƯỞNG KHOA**

<sup>1</sup> Thi cho trình độ trung cấp, cao đẳng; kiểm tra cho trình độ sơ cấp. Loại bỏ nội dung không phù hợp.

<sup>2</sup> Môn học tương ứng với chương, mô-đun tương ứng với bài. Loại bỏ nội dung không phù hợp.

TRƯỜNG CAO ĐẲNG ĐƯỜNG SẮT  
KHOA .....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày .... tháng .... năm 20....

**BỘ CÂU HỎI ÔN TẬP**  
**THI/KIỂM TRA TRẮC NGHIỆM KẾT THÚC MÔN HỌC/MÔ-ĐUN (giấy)<sup>3</sup>**  
NGHỀ:..... TRÌNH ĐỘ:.....  
Môn học/Mô-đun: .....<sup>4</sup>

**Phần A (...điểm)<sup>5</sup>**

**Chương 1/Bài 1:.....<sup>6</sup>**

Chọn phương án đúng. Mỗi câu trả lời đúng được..... điểm.

Câu 1. ....

A:..... B:..... C:..... D:.....

Câu 2. ....

A:..... B:..... C:..... D:.....

Câu 3. ....

A:..... B:..... C:..... D:.....

**Chương 2/Bài 2:.....<sup>7</sup>**

Chọn phương án đúng. Mỗi câu trả lời đúng được..... điểm.

Câu 1. ....

A:..... B:..... C:..... D:.....

Câu 2. ....

A:..... B:..... C:..... D:.....

Câu 3. ....

A:..... B:..... C:..... D:.....

**Phần B (...điểm)**

**Chương.../Bài...:.....**

Điền từ thích hợp vào chỗ trống. Mỗi phương án đúng được..... điểm.

Các phương án:.....; .....; .....

(Nội dung bài đọc).....

.....

**TRƯỜNG KHOA**

<sup>3</sup> Thi cho trình độ trung cấp, cao đẳng; kiểm tra cho trình độ sơ cấp. Loại bỏ nội dung không phù hợp.

<sup>4</sup> Môn học tương ứng với chương, mô-đun tương ứng với bài. Loại bỏ nội dung không phù hợp.

<sup>5</sup> Trường hợp đề thi chỉ xây dựng một dạng câu hỏi thi thì không cần chia thành từng phần.

<sup>6</sup> Ghi tên chương/bài.

<sup>7</sup> Ghi tên chương/bài.

TRƯỜNG CAO ĐẲNG ĐƯỜNG SẮT  
KHOA .....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày .... tháng .... năm 20....

**BỘ CÂU HỎI ÔN TẬP**  
**THI/KIỂM TRA TRẮC NGHIỆM KẾT THÚC MÔN HỌC/MÔ-ĐUN (máy**  
**tính)**

NGHỀ:..... TRÌNH ĐỘ:.....

Môn học/Mô-đun: .....<sup>8</sup>

Chương 1/Bài 1:.....

TT	Độ khó	Nội dung câu hỏi	Đáp án	Câu trả lời 1	Câu trả lời 2	Câu trả lời 3	Câu trả lời 4
1							
2							
3							

Chương 2/Bài 2:.....

TT	Độ khó	Nội dung câu hỏi	Đáp án	Câu trả lời 1	Câu trả lời 2	Câu trả lời 3	Câu trả lời 4
1							
2							
3							

.....

**TRƯỞNG KHOA**

<sup>8</sup> Môn học tương ứng với chương, mô-đun tương ứng với bài. Loại bỏ nội dung không phù hợp.

TỔNG CÔNG TY ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM  
TRƯỜNG CAO ĐẲNG ĐƯỜNG SẮT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH THI/KIỂM TRA (HỌC KỲ....., NĂM HỌC 201... - 201...)<sup>9</sup>**  
**LỚP..... (BẠC....., NGÀNH....., KHÓA.....)**  
**MÔN HỌC/MÔ-ĐUN:.....**

\* Số giờ:..... \* Thời gian học từ:...../...../20..... đến:...../...../20.....

\* Ngày thi: :...../...../20.....

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm kiểm tra			Số giờ nghỉ <sup>10</sup>	Tỷ lệ nghỉ % <sup>11</sup>	Điều kiện dự thi <sup>12</sup> (Đạt/không đạt)
			TX <sup>13</sup>	ĐK <sup>14</sup>	ĐTB <sup>15</sup>			

**TRƯỞNG KHOA**

....., ngày..... tháng..... năm 20....  
**GIẢNG VIÊN**

<sup>9</sup> Danh sách nếu in từ phần mềm quản lý đào tạo thì theo mẫu của phần mềm hiện hành.

<sup>10</sup> Gồm số giờ nghỉ có phép và không phép.

<sup>11</sup> Tỷ lệ % số giờ nghỉ so với số giờ môn học/mô-đun trong Chương trình đào tạo.

<sup>12</sup> Điều kiện dự thi/kiểm tra về điểm và thời gian học tập.

<sup>13</sup> Điểm kiểm tra thường xuyên.

<sup>14</sup> Điểm kiểm tra định kỳ.

<sup>15</sup> Điểm trung bình.

TRƯỜNG CAO ĐẲNG ĐƯỜNG SẮT  
KHOA .....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày .... tháng .... năm 20....

**ĐỀ THI/KIỂM TRA KẾT THÚC MÔN HỌC<sup>16</sup>**

NGHỀ:.....

TRÌNH ĐỘ:.....

**Môn học:** .....

**Đề số:** .....

Hình thức thi: Viết

Thời gian: .... phút (*không kể thời gian chép/phát đề*)

**ĐỀ BÀI**

**Câu 1. (..... điểm)**

.....

**Câu 2. (.....điểm)**

.....

**Câu 3. (.....điểm)**

.....

.....

*Lưu ý: (Nếu có)*

**TRƯỞNG KHOA**

<sup>16</sup> Thi cho trình độ trung cấp, cao đẳng; kiểm tra cho trình độ sơ cấp. Loại bỏ nội dung không phù hợp.

TRƯỜNG CAO ĐẲNG ĐƯỜNG SẮT  
KHOA .....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày .... tháng .... năm 20....

**ĐÁP ÁN THI/KIỂM TRA KẾT THÚC MÔN HỌC**

NGHỀ:.....

TRÌNH ĐỘ:.....

**Môn học:** .....

**Đề số:** .....

Hình thức thi: Viết

**Câu 1. (..... điểm)**

..... (nội dung câu hỏi)

<b>Nội dung</b>	<b>Điểm</b>
- .....	
- .....	
- .....	

**Câu 2. (..... điểm)**

..... (nội dung câu hỏi)

<b>Nội dung</b>	<b>Điểm</b>
- .....	
- .....	
- .....	

.....

**TRƯỞNG KHOA**

TRƯỜNG CAO ĐẲNG ĐƯỜNG SẮT  
KHOA .....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày .... tháng .... năm 20....

**ĐỀ THI/KIỂM TRA KẾT THÚC MÔN HỌC/MÔ-ĐUN<sup>17</sup>**

NGHỀ:.....

TRÌNH ĐỘ:.....

**Môn học: .....**

**Đề số: .....**

Hình thức thi: Vấn đáp<sup>18</sup>

Thời gian: 20 phút chuẩn bị, 15 phút trả lời/HSSV

**ĐỀ BÀI**

**Câu hỏi/tình huống: (..... điểm)**

.....

-----  
*Lưu ý: (Nếu có)*

**TRƯỞNG KHOA**

<sup>17</sup> Thi cho trình độ trung cấp, cao đẳng; kiểm tra cho trình độ sơ cấp. Loại bỏ nội dung không phù hợp.

<sup>18</sup> Đối với môn Tiếng Anh phần vấn đáp để đánh giá kỹ năng thi thực hiện theo mẫu đề thi thực hành.

TRƯỜNG CAO ĐẲNG ĐƯỜNG SẮT  
KHOA .....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày .... tháng .... năm 20....

**ĐÁP ÁN THI/KIỂM TRA KẾT THÚC MÔN HỌC/MÔ-ĐUN**

NGHỀ:.....

TRÌNH ĐỘ:.....

**Môn học:** .....

**Đề số:** .....

Hình thức thi: Vấn đáp

**Câu hỏi/tình huống: (.... điểm)**

<b>Nội dung</b>	<b>Điểm</b>
Phần 1: Nội dung chính (... điểm)	
- .....	
- .....	
- .....	
Phần 2: Câu hỏi phụ (.... điểm)	
- .....	
- .....	
- .....	

.....  
**TRƯỞNG KHOA**

TRƯỜNG CAO ĐẲNG ĐƯỜNG SẮT  
KHOA .....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày .... tháng .... năm 20....

**ĐỀ THI/KIỂM TRA KẾT THÚC MÔN HỌC/MÔ-ĐUN<sup>19</sup>**

NGHỀ:.....

TRÌNH ĐỘ:.....

Môn học/Mô-đun: .....

Đề số: .....

Hình thức thi: Trắc nghiệm (trên giấy)

Thời gian: .... phút (không kể thời gian phát đề)

**ĐỀ BÀI**

**Phần A (...điểm)<sup>20</sup>**

Chọn phương án đúng. Mỗi câu trả lời đúng được..... điểm.

Câu 1. ....

A:..... B:..... C:..... D:.....

Câu 2. ....

A:..... B:..... C:..... D:.....

Câu 3. ....

A:..... B:..... C:..... D:.....

**Phần B (...điểm)**

Điền từ thích hợp vào chỗ trống. Mỗi phương án đúng được..... điểm.

Các phương án:.....; .....; .....

(Nội dung bài đọc).....

-----  
*Lưu ý: (Nếu có)*

**TRƯỞNG KHOA**

<sup>19</sup> Thi cho trình độ trung cấp, cao đẳng; kiểm tra cho trình độ sơ cấp. Loại bỏ nội dung không phù hợp.

<sup>20</sup> Trường hợp đề thi chỉ xây dựng một dạng câu hỏi thi không cần chia thành từng phần.

**PHIẾU TRẢ LỜI TRẮC NGHIỆM**  
**PHẦN THÔNG TIN**

<b>Giám thị 1</b> Họ và tên:..... Chữ ký:	<b>PHẦN GHI CHÉP CỦA HSSV</b> 1- Họ và tên HSSV:..... 2- Ngày sinh:...../...../..... 3- Lớp:..... 4- Môn thi:.....
<b>Giám thị 1</b> Họ và tên:..... Chữ ký:	5- Số báo danh:..... 6- Mã đề thi:..... 7- Ngày thi:...../...../202.....

**Chú ý:**

- HSSV ghi đủ thông tin trước khi làm bài.
- Trả lời: tô vào đáp án đúng.

Số phách

**PHẦN TRẢ LỜI**  
**Mã đề thi:.....**

Số phách

1	A	B	C	D
2	A	B	C	D
3	A	B	C	D
4	A	B	C	D
5	A	B	C	D
6	A	B	C	D
7	A	B	C	D
8	A	B	C	D
9	A	B	C	D
10	A	B	C	D
11	A	B	C	D
12	A	B	C	D
13	A	B	C	D
14	A	B	C	D
15	A	B	C	D
16	A	B	C	D
17	A	B	C	D

18	A	B	C	D
19	A	B	C	D
20	A	B	C	D
21	A	B	C	D
22	A	B	C	D
23	A	B	C	D
24	A	B	C	D
25	A	B	C	D
26	A	B	C	D
27	A	B	C	D
28	A	B	C	D
29	A	B	C	D
30	A	B	C	D
31	A	B	C	D
32	A	B	C	D
33	A	B	C	D
34	A	B	C	D

35	A	B	C	D
36	A	B	C	D
37	A	B	C	D
38	A	B	C	D
39	A	B	C	D
40	A	B	C	D
41	A	B	C	D
42	A	B	C	D
43	A	B	C	D
44	A	B	C	D
45	A	B	C	D
46	A	B	C	D
47	A	B	C	D
48	A	B	C	D
49	A	B	C	D
50	A	B	C	D

**ĐÁP ÁN THI/KIỂM TRA KẾT THÚC MÔN HỌC/MÔ-ĐUN<sup>21</sup>**

NGHỀ:.....

TRÌNH ĐỘ:.....

Môn học/Mô-đun: .....

Đề số: .....

Hình thức thi: Trắc nghiệm (trên giấy)

1	A	B	C	D
2	A	B	C	D
3	A	B	C	D
4	A	B	C	D
5	A	B	C	D
6	A	B	C	D
7	A	B	C	D
8	A	B	C	D
9	A	B	C	D
10	A	B	C	D
11	A	B	C	D
12	A	B	C	D
13	A	B	C	D
14	A	B	C	D
15	A	B	C	D
16	A	B	C	D
17	A	B	C	D

18	A	B	C	D
19	A	B	C	D
20	A	B	C	D
21	A	B	C	D
22	A	B	C	D
23	A	B	C	D
24	A	B	C	D
25	A	B	C	D
26	A	B	C	D
27	A	B	C	D
28	A	B	C	D
29	A	B	C	D
30	A	B	C	D
31	A	B	C	D
32	A	B	C	D
33	A	B	C	D
34	A	B	C	D

35	A	B	C	D
36	A	B	C	D
37	A	B	C	D
38	A	B	C	D
39	A	B	C	D
40	A	B	C	D
41	A	B	C	D
42	A	B	C	D
43	A	B	C	D
44	A	B	C	D
45	A	B	C	D
46	A	B	C	D
47	A	B	C	D
48	A	B	C	D
49	A	B	C	D
50	A	B	C	D

**TRƯỜNG KHOA**<sup>21</sup> Thi cho trình độ trung cấp, cao đẳng; kiểm tra cho trình độ sơ cấp. Loại bỏ nội dung không phù hợp.

**KHUNG MA TRẬN**  
**ĐỀ THI/KIỂM TRA KẾT THÚC MÔN HỌC, MÔ-ĐUN**

Môn học, mô-đun: .....

Mã số: .....

Số giờ: ..... (..... LT, ... TH, KT)

Nghề: .....

Trình độ: .....

Hình thức thi/kiểm tra: Trắc nghiệm

**1. Số lượng câu hỏi phân bổ cho các chương/bài**

Tên chương/bài	Số lượng câu hỏi				
	Dễ	TB	Khó	Tổng	Tỷ lệ %
<b>Tổng</b>					

**2. Kết cấu khung đề thi/kiểm tra kết thúc môn học, mô-đun**

- Thời gian làm bài: ... phút

- Cơ cấu điểm: Câu dễ: ... điểm; câu trung bình: ... điểm, câu khó: ... điểm

- Phân bổ số lượng câu hỏi trong đề thi:

Chương/bài	Dễ	TB	Khó	Tổng
<b>Tổng</b>				

**3. Số lượng bộ đề**

- Số giờ môn học, mô-đun: ..... giờ

- Số bộ đề: ..... bộ.

**TRƯỞNG KHOA**

TRƯỜNG CAO ĐẲNG ĐƯỜNG SẮT  
KHOA .....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày .... tháng .... năm 20....

**ĐỀ THI/KIỂM TRA KẾT THÚC MÔN HỌC/MÔ-ĐUN**

NGHỀ:.....

TRÌNH ĐỘ:.....

Mô-đun: .....

Đề số: .....

Hình thức thi: ...<sup>22</sup>.. & Thực hành

Thời gian: .... phút (không kể thời gian chép/phát đề)

**ĐỀ BÀI**

**Phần I: LÝ THUYẾT (..... điểm)<sup>23</sup>**

(Định dạng phù hợp tùy theo hình thức thi viết, vấn đáp hay trắc nghiệm).

**Phần II: THỰC HÀNH (... điểm)**

**1. Yêu cầu<sup>24</sup>**

.....

**2. Nội dung công việc**

TT	Nội dung công việc <sup>25</sup>	Điểm <sup>26</sup>

**3. Các dữ kiện/điều kiện thực hiện của bài<sup>27</sup>**

.....

-----

Lưu ý: (Nếu có)

**TRƯỞNG KHOA**

<sup>22</sup> Hình thức thi phần lý thuyết (viết, vấn đáp hoặc trắc nghiệm).

<sup>23</sup> Mẫu đề thi/kiểm tra kết thúc mô-đun có thể lập thành đề thi/kiểm tra phần lý thuyết riêng, thực hành riêng.

<sup>24</sup> Ghi yêu cầu nội dung thực hiện bài thi/kiểm tra.

<sup>25</sup> Ghi nội dung từng phần công việc.

<sup>26</sup> Ghi điểm phân bố tương ứng của từng phần công việc.

<sup>27</sup> Ghi các trang thiết bị, dụng cụ thực hành; vật tư; bảo hộ lao động (nếu có)... phải có để thực hiện bài thi/kiểm tra.

**HƯỚNG DẪN**  
**CHẤM THI/KIỂM TRA THỰC HÀNH/VẤN ĐÁP<sup>28</sup>**  
NGHỀ:.....  
TRÌNH ĐỘ:.....  
**Môn học/Mô-đun: .....**  
**Đề số:.....**

**I. BIỂU ĐIỂM****Câu 1: (... điểm)**(Kỹ năng 1).....<sup>29</sup>

TT	Nội dung thực hành <sup>30</sup>	Điểm <sup>31</sup>	Yêu cầu <sup>32</sup>	Hướng dẫn chấm <sup>33</sup>

**Câu 2: (... điểm)**

(Kỹ năng 2).....

TT	Nội dung thực hành	Điểm	Yêu cầu	Hướng dẫn chấm

**II. BIỆN PHÁP THỰC HIỆN<sup>34</sup>**

.....

**TRƯỞNG KHOA**<sup>28</sup> Hướng dẫn chấm điểm thay cho đáp án.<sup>29</sup> Ghi yêu cầu của kỹ năng.<sup>30</sup> Nội dung kiến thức, kỹ năng, thái độ có thể phân nhỏ chi tiết đến 1 điểm với thang điểm 100.<sup>31</sup> Điểm tiêu chuẩn có thể tính theo thang điểm 100 nhưng sau phải quy về thang điểm 10.<sup>32</sup> Yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, thái độ cần đạt được cho mỗi nội dung đánh giá.<sup>33</sup> Hướng dẫn mức độ trừ điểm khi HSSV thực hiện thiếu, sai sót, chậm, lúng túng.... của mỗi nội dung chấm. Tổng số điểm trừ tối đa của mỗi phần bằng số điểm phân bổ cho phần đó.<sup>34</sup> Các nội dung hướng dẫn đánh giá chung được ghi vào phần này. VD: Chấm theo thang điểm 100 được quy về thang điểm 10 như thế nào; HSSV không sử dụng bảo hộ lao động theo quy định (đối với thực hành nghề bắt buộc sử dụng), trong quá trình thi đề xảy ra tai nạn lao động, tai nạn chạy tàu... thì đình chỉ thi và nhận 0 điểm cho phần thi này....

TRƯỜNG CAO ĐẲNG ĐƯỜNG SẮT  
KHOA .....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**PHIẾU CHẤM THI/KIỂM TRA THỰC HÀNH/VẤN ĐÁP**

Môn học/mô-đun: .....

Lớp: .....

**Đề số: .....**

Họ và tên: .....

**KẾT QUẢ THI**

<b>TT</b>	<b>Nội dung đánh giá<sup>35</sup></b>	<b>Điểm chuẩn</b>	<b>Ý kiến nhận xét<sup>36</sup></b>	<b>Điểm đạt<sup>37</sup></b>
	<b>Tổng điểm</b>			

Kết luận của ban giám khảo: .....

Ngày ..... tháng ..... năm .....

**GIÁM KHẢO 1**

**GIÁM KHẢO 2**

<sup>35</sup> Ghi đủ theo Hướng dẫn chấm thi/kiểm tra thực hành/vấn đáp

<sup>36</sup> Cán bộ chấm thi ghi các lỗi của HSSV với mức trừ điểm tương ứng của mỗi nội dung đánh giá. Số điểm trừ tối đa bằng số điểm chuẩn phân bổ cho từng phần tương ứng.

<sup>37</sup> Cán bộ chấm thi ghi điểm đạt của HSSV mỗi nội dung đánh giá sau khi trừ các điểm lỗi và ghi điểm tổng.

**KẾT QUẢ THI/KIỂM TRA LẦN.... (HỌC KỲ....., NĂM HỌC 201... - 201...)<sup>38</sup>**

LỚP..... (BẠC....., NGÀNH....., KHÓA.....)

MÔN HỌC/MÔ-ĐUN:.....

\* Ngày thi: ...../...../20..... \* Thời gian thi: .....phút, từ:..... đến:..... \* Phòng thi: .....

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số tờ (đề)	Điểm thi		Ký tên	Ghi chú
				Số	Chữ		

(Số HSSV có mặt: ..... \* Vắng mặt: ..... \* Số bài thi: ..... \* Số tờ giấy thi: ..... \* Số bài đạt:..... \* Số bài không đạt:.....)

....., ngày..... tháng..... năm 20....

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

<sup>38</sup> Mẫu này dùng cho tổ chức thi/kiểm tra kết thúc môn học/mô-đun có 01 điểm đánh giá. Nếu bảng điểm in từ phần mềm quản lý đào tạo thì thực hiện theo biểu mẫu của phần mềm hiện hành.

**KẾT QUẢ THI/KIỂM TRA LẦN.... (HỌC KỲ....., NĂM HỌC 201... - 201...)<sup>39</sup>**  
**LỚP..... (BẠC....., NGÀNH....., KHÓA.....)**  
**MÔN HỌC/MÔ-ĐUN:.....**

**Phần:.....<sup>40</sup>**

\* Ngày thi: ...../...../20..... \* Thời gian thi: .....phút, từ:..... đến:..... \* Phòng thi: .....

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số tờ (đề)	Điểm thi/ k.tra <sup>41</sup>	Điểm quy đổi		Ký tên	Ghi chú
					Số	Chữ		

(\* Số HSSV có mặt: ..... \* Vắng mặt: ..... \* Số bài thi: ..... \* Số tờ giấy thi: .....

....., ngày..... tháng..... năm 20.....  
**Cán bộ coi thi 1      Cán bộ coi thi 2      Cán bộ chấm thi 1      Cán bộ chấm thi 2**

<sup>39</sup> Mẫu này dùng cho tổ chức thi/kiểm tra kết thúc môn học/mô-đun có nhiều phần đánh giá như: lý thuyết, thực hành; đọc hiểu, vấn đáp,... được sử dụng khi điểm chấm từng phần chưa quy đổi. Nếu bảng điểm in từ phần mềm quản lý đào tạo thì thực hiện theo biểu mẫu của phần mềm hiện hành.

<sup>40</sup> Ghi phần đánh giá tương ứng của môn học/mô-đun. VD: Lý thuyết hoặc thực hành; nghe, nói, đọc, viết (tiếng Anh)

<sup>41</sup> Điểm chấm khác điểm phân bổ theo thang điểm 10 cho phần đánh giá. VD: Đánh giá mô-đun phần lý thuyết là 3 điểm, thực hành 7 điểm. Khi đánh giá phần lý thuyết theo thang điểm 10, ví dụ HS đạt 5 điểm thì điểm quy đổi là  $5 \cdot \frac{3}{10} = 1,5$  điểm.

**BẢNG ĐIỂM TỔNG HỢP<sup>42</sup>**  
**KẾT QUẢ THI LẦN.... (HỌC KỲ....., NĂM HỌC 201... - 201...)<sup>43</sup>**  
**LỚP..... (BẠC....., NGÀNH....., KHÓA.....)**  
**MÔN HỌC/MÔ-ĐUN:.....**

\* Ngày thi: ...../...../20..... \* Thời gian thi: .....phút, từ:..... đến:..... \* Phòng thi: .....

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm thi/kiểm tra phần...	Điểm thi/kiểm tra phần...	Tổng điểm		Ghi chú
					Số	Chữ	

\* Số HSSV có mặt:..... \* Vắng mặt:..... \* Số bài đạt:..... \* Số bài không đạt:.....

....., ngày..... tháng..... năm 20.....

**Cán bộ tổng hợp điểm**

**Cán bộ chấm thi 1**

**Cán bộ chấm thi 2**

<sup>42</sup> Nếu bảng điểm in từ phần mềm quản lý đào tạo thì thực hiện theo biểu mẫu của phần mềm hiện hành.

<sup>43</sup> Mẫu này dùng cho tổ chức thi/kiểm tra kết thúc môn học/mô-đun có nhiều phần đánh giá như: lý thuyết, thực hành, đọc hiểu, vấn đáp,...

TỔNG CÔNG TY ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM  
TRƯỜNG CAO ĐẲNG ĐƯỜNG SẮT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**KẾT QUẢ THI LẦN.... (HỌC KỲ....., NĂM HỌC 201... - 201...)**  
LỚP..... (BẬC....., NGÀNH....., KHÓA.....)

MÔN HỌC/MÔ-ĐUN:.....

Hình thức thi: Trắc nghiệm trên máy tính

\* Ngày thi: ...../...../20..... \* Thời gian thi: .....phút, từ:..... đến:..... \* Phòng thi: .....

STT	Mã HSSV	Họ và tên	Khóa/lớp	Điểm đạt	Điểm quy đổi	Ghi chú

\* Số HSSV có mặt:..... \* Vắng mặt:.... \* Số bài đạt:..... \* Số bài không đạt:.....

....., ngày..... tháng..... năm 20....

**Cán bộ coi thi 1**

**Cán bộ coi thi 2**

TỔNG CÔNG TY ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM  
TRƯỜNG CAO ĐẲNG ĐƯỜNG SẮT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

**BIÊN BẢN VI PHẠM NỘI QUY PHÒNG THI**

Vào hồi ..... giờ ..... phút, ngày ..... tháng ..... năm 201.....

Tại phòng thi số: .....

Môn thi: .....

Họ và tên thí sinh: ..... Số báo danh: .....

Lớp: .....

Đã vi phạm nội quy phòng thi:.....

.....

.....

.....

.....

Hình thức xử lý: .....

.....

**HIỆU TRƯỞNG**

**CÁN BỘ COI THI 1**

**CÁN BỘ COI THI 2**

**HỌC SINH SINH VIÊN**

*(Ký, họ tên)*

*(Ký, họ tên)*

*(Ký, họ tên)*